

| PHỤC LỤC                                                                               |         |                                         |                                           |                                           |                |         |
|----------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------|---------|
| DANH MỤC, KHỐI LƯỢNG GIAO QUẢN LÝ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN      |         |                                         |                                           |                                           |                |         |
| (Kèm theo Quyết định số 2121 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn) |         |                                         |                                           |                                           |                |         |
| STT                                                                                    | Ký hiệu | Tên đường                               | Điểm đầu                                  | Điểm cuối                                 | Chiều dài (km) | Ghi chú |
| I. SỞ XÂY DỰNG                                                                         |         |                                         |                                           |                                           | 1.517,24       |         |
| 1                                                                                      | ĐT.226  | Bình Gia - Thất Khê                     | Km60/QL.1B (T.T Bình Gia)                 | Km26+00/QL.3B                             | 57,52          |         |
| 2                                                                                      | ĐT.227  | Pắc Khuông - Thiện Long                 | Km206+150/QL.279                          | Nà Lù - xã Thiện Long (Giáp tỉnh Bắc Kạn) | 23,60          |         |
| 3                                                                                      | ĐT.228  | Bản Pên - Nà Mẩn                        | Km6+500/ĐT.229                            | Cửa khẩu Bình Nghi                        | 13,80          |         |
| 4                                                                                      | ĐT.229  | Lũng Vài - Bình Độ - Tân Minh           | Km26+400/QL.4A                            | Km36+900 Giao ĐTTBG Tân Minh - Quốc Khánh | 36,90          |         |
| 5                                                                                      | ĐT.230  | Na Sầm - Na Hình                        | Km14+100/QL.4A                            | Cửa khẩu Na Hình                          | 14,60          |         |
| 6                                                                                      | ĐT.231  | Na Sầm - Văn Mịch - Hưng Đạo - Cốc Tàn  | Km26+500/ĐT.232                           | Cốc Tàn (Ranh giới LS- Bắc Kạn)           | 66,60          |         |
| 7                                                                                      | ĐT.232  | Vĩnh Lại - Na Sầm                       | Km24/QL.1B                                | Km15/QL.4A                                | 29,00          |         |
| 8                                                                                      | ĐT.233  | Hoà Bình - Bình La - Gia Miến           | Km30+400/QL.1B                            | Km14+500/ĐT.231                           | 25,90          |         |
| 9                                                                                      | ĐT.234  | Quốc lộ 1A cũ                           | Km7+800/QL.1                              | Km61+800 QL.1                             | 40,20          |         |
| 10                                                                                     | ĐT.235  | Tân Mỹ - Hữu Nghị - Bảo Lâm             | Km4+300/QL.4A                             | Bảo Lâm                                   | 14,30          |         |
| 11                                                                                     | ĐT.236  | Lộc Bình - Chi Ma                       | T.T Lộc Bình Km22/QL.4B                   | Cửa Khẩu Chi Ma                           | 12,80          |         |
| 12                                                                                     | ĐT.237  | Khuổi Khín - Bản Chắt                   | Km26+200/QL. 4B                           | Bản Chắt                                  | 31,60          |         |
| 13                                                                                     | ĐT.238  | Yên Trạch - Lạng Giải                   | Km21/QL.1                                 | Km40+400/QL.1                             | 31,30          |         |
| 14                                                                                     | ĐT.239  | Pác Ve - Điềm He                        | Km34+100/ĐT.234B                          | Km19+200/QL.1B                            | 23,50          |         |
| 15                                                                                     | ĐT.241  | Bản Tằng - Mẫu Sơn - Công Sơn - Hải Yến | Km14+200/QL.4B                            | Km24+200/ĐT.241 (Km15/ĐH.28)              | 27,80          |         |
| 16                                                                                     | ĐT.242  | Phổ Vị - Đèo Cà                         | Km11+500/ĐT.245                           | Đèo Cà (giáp tỉnh Bắc Ninh)               | 34,10          |         |
| 17                                                                                     | ĐT.243  | Gốc Me - Hữu Liên - Mỏ Nhài - Tam Canh  | Gốc Me Km78+850/QL1A.                     | Km69+809/QL.1B                            | 55,00          |         |
| 18                                                                                     | ĐT.244  | Mình Lễ - Quyết Thắng                   | Km14+600/ĐT.242                           | Hang Cáo xã Quyết Thắng                   | 15,80          |         |
| 19                                                                                     | ĐT. 245 | Hoà Thắng - Phổ Vị - Hoà Sơn - Hoà Lạc  | Trại Gạo (Ranh giới Lạng Sơn và Bắc Ninh) | Km69+500/ QL.1                            | 25,30          |         |
| 20                                                                                     | ĐT.246  | Bình Xá - Bắc Xá                        | Km141/QL.31                               | Bản Mạ                                    | 43,00          |         |
| 21                                                                                     | ĐT.248  | Na Dương - Xuân Dương                   | Km30+500/QL.4B                            | Giáp tỉnh Bắc Ninh                        | 25,80          |         |
| 22                                                                                     | ĐT.250  | Đồng Bục - Hữu Kiên - Đồng Mô           | Km19/QL.4B                                | Km38/ĐT.234                               | 61,40          |         |
| 23                                                                                     | ĐT.226A | Chí Minh - Nà Cạo - Pò Cam              | Km65+300/QL4A                             | Km41+300/QL.3B                            | 20,50          |         |
| 24                                                                                     | ĐT.226B | Ắng Mò - Đoàn Kết - Nà Cóoc             | Km49+820/QL.3B                            | Kéo Lạn giáp Cao Bằng                     | 19,85          |         |
| 25                                                                                     | ĐT.226C | Bình Lâm - Đội Cấn - Quốc Khánh         | Km47+850/QL4A                             | Km9+350/QL.3B                             | 20,82          |         |
| 26                                                                                     | ĐT.226D | Khau Ra - Quang Trung - Văn Mịch        | Km191+100/QL279                           | Km19+900/ĐT.226                           | 23,50          |         |
| 27                                                                                     | ĐT.227A | Thiện Hòa - Thiện Long - Tân Hoà        | Km 217+760/QL.279                         | Km7+00/ĐH.65                              | 14,60          |         |
| 28                                                                                     | ĐT.229A | Bản Nầm - Bình Độ - Pắc Lạn             | Km43+590/QL.4A                            | km10+940/ĐT.228                           | 24,40          |         |
| 29                                                                                     | ĐT.231A | Hoa Thám - Vĩnh Yên                     | km 42+700/ĐT.231                          | thôn Khuổi Mần xã Quý Hòa                 | 23,20          |         |
| 30                                                                                     | ĐT.232A | Na Sầm - Văn Lãng - Hùng Việt           | km37+930/QL.4A                            | Thôn Khuổi Hoi, xã Văn Lãng               | 18,20          |         |
| 31                                                                                     | ĐT.233A | Tân Văn - Điềm He - Văn Quan            | Km55+300/QL1B                             | Km5+250/ĐT.233                            | 30,80          |         |
| 32                                                                                     | ĐT.234A | Bến Bắc - Khánh Khê - Bản Lòong         | Tiếp giáp đường Bến Bắc                   | km8+050/ĐT.234                            | 30,30          |         |
| 33                                                                                     | ĐT.234B | Bản Làn - Tràng Các                     | km16+500/QL.1B                            | Km12+650/ĐT.234                           | 20,20          |         |
| 34                                                                                     | ĐT.234C | Tri Lễ - Bằng Mạc - Vạn Linh - Chi Lăng | Km41+950/QL1B                             | Km63+500/QL.1                             | 54,10          |         |
| 35                                                                                     | ĐT.235A | Kỳ Lừa - Công Sơn - Ba Sơn              | Cầu Hợp Thành                             | Pò Mã-xã Ba Sơn                           | 35,80          |         |
| 36                                                                                     | ĐT.236A | Chi Ma - Tú Mịch - Bản Chắt             | km11+00/ĐT.236                            | km30+850/ĐT.237                           | 25,00          |         |
| 37                                                                                     | ĐT.238A | Nhân Lý - Chiến Thắng                   | km27+600/ĐT.234                           | km10+900/ĐT.238                           | 19,30          |         |
| 38                                                                                     | ĐT.238B | Lâm Sơn - Làng Thượng                   | km25+800/ĐT.238                           | km144+660/QL.279                          | 10,86          |         |
| 39                                                                                     | ĐT.239A | Lũng Pa - Pắc Kéo - Văn Quan            | km23+100/QL.1B                            | km28+200/QL.1B                            | 17,70          |         |

| STT                                                               | Ký hiệu | Tên đường                               | Điểm đầu                       | Điểm cuối                        | Chiều dài (km) | Ghi chú                        |
|-------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------|
| 40                                                                | ĐT.239B | Khòn Khê - Tân Đoàn - Chợ Bãi           | km181+190/QL.279               | km176+800/QL.279                 | 21,60          |                                |
| 41                                                                | ĐT.240  | Điềm He- Hoàng Văn Thụ - Na Sầm         | km17+100/QL.1B                 | km12+450/QL.4A                   | 21,60          |                                |
| 42                                                                | ĐT.241A | Tam Thanh - Cao Lộc - Công Sơn          | Ngã Ba La Nàng, Phường Kỳ Lừa  | Km 7+650/ĐH.28                   | 34,10          |                                |
| 43                                                                | ĐT.242A | Hữu Lũng - Vân Nham                     | Km6+700/ĐT.242                 | Km20+750/ĐT.242                  | 14,60          |                                |
| 44                                                                | ĐT.242B | Vân Nham - Tân Lập - Đồng Bụt           | Km18+600/ĐT.242                | Km7+300/ĐT.244                   | 13,30          |                                |
| 45                                                                | ĐT.242C | Na Hoa - Bắc Lệ - Hòa Sơn               | km2+900/ĐT.242                 | km19+00/ĐT.245                   | 10,20          |                                |
| 46                                                                | ĐT.243A | Bắc Sơn -Vũ Lăng                        | km3+200/Đ.nội thị Trường Chinh | km2+430Đ.nội thị CMT8            | 20,77          |                                |
| 47                                                                | ĐT.243B | Khau Bao - Tân Tri - Nghinh Tường       | km 83+950/QL1B                 | xã Nghinh Tường (Thái Nguyên)    | 15,02          |                                |
| 48                                                                | ĐT.243C | Mỏ Nhài - Nhất Hòa - Vũ Lễ              | Km43+850/ĐT243                 | Km97+650/QL1B                    | 30,60          |                                |
| 49                                                                | ĐT.246A | Khe Cây - Khe Váp - Ba Chẽ (Quảng Ninh) | km74+600/QL.4B                 | Khe Váp, Quảng Ninh              | 10,50          |                                |
| 50                                                                | ĐT.246B | Nà Lừa - Khâu Bân - Khe Bó              | km48+100/QL.4B                 | km3+400/ĐH.48                    | 39,00          |                                |
| 51                                                                | ĐT.246C | Châu Sơn - Dốc 6 độ - Kiên Mộc          | km69+00/QL.4B                  | km8+400/ĐT.246                   | 29,60          |                                |
| 52                                                                | ĐT.246D | Châu Sơn - Khe Xiếc                     | km61+400/QL.4B                 | Khe Xiếc, Bắc Giang (cũ)         | 41,00          |                                |
| 53                                                                | ĐT.248A | Lợi Bắc -Xuân Dương - Thái Bình         | km38+900/QL.4B                 | km110+950/QL.31                  | 46,60          |                                |
| 54                                                                | ĐT.248B | Na Dương - Sần Viên - Khuất Xá          | km1+600/đường Nhiệt điện       | km7+00/ĐT.237                    | 9,40           |                                |
| 55                                                                | ĐT.250A | Lộc Bình - Thống Nhất - Mẫu sơn         | km12+800/QL.4B                 | Co Sa                            | 40,40          |                                |
| <b>II . BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ CỬA KHẨU ĐỒNG ĐĂNG - LẠNG SƠN</b> |         |                                         |                                |                                  | <b>6,40</b>    |                                |
| 1                                                                 |         | Tân Mỹ - Hữu Nghị - Bảo Lâm             | Km0+00/ĐT.235 (CK.Hữu Nghị)    | Km0+200/ĐT.235                   | 0,20           |                                |
| 2                                                                 |         | Lộc Bình - Chi Ma                       | Km12+800/ĐT.236                | Km15+00/ĐT.236 (Cửa Khẩu Chi Ma) | 2,20           |                                |
| 3                                                                 |         | Pác Luồng - Tân Thanh                   | Km8+400/QL.4A                  | Cửa Khẩu Tân Thanh               | 4,00           |                                |
| <b>II . UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG</b>                                   |         |                                         |                                |                                  | <b>5,50</b>    |                                |
| 1                                                                 | ĐX58.25 | Quốc lộ 1A cũ                           | Km0+00/ĐT.234                  | Km1+800/ĐT.234                   | 1,80           | Giao cho UBND xã Đồng Đăng     |
| 2                                                                 | ĐX62.07 | Quốc lộ 1A cũ                           | Km1+800/ĐT.234                 | Km5+500/ĐT.234                   | 3,70           | Giao cho UBND phường Tam Thanh |